

Phụ lục 2

**GÓI SỐ 2: GÓI THẦU THUỐC CỔ TRUYỀN, THUỐC DƯỢC LIỆU,
THUỐC CÓ THÀNH PHẦN DƯỢC LIỆU PHỐI HỢP VỚI DƯỢC CHẤT HÓA DƯỢC
NHU CẦU SỬ DỤNG THUỐC NĂM 2026 - 2027**

(Kèm theo Công văn số /SYT-NVD ngày / /2025 của Sở Y tế Bình Định)

Số TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng thực sử dụng năm 2024	Số lượng tồn kho tính đến ngày 31/12/2024	Số lượng nhu cầu năm 2026 - 2027	Giá dự toán (VND)	Thành tiền (VND)	Tỉ lệ Số lượng nhu cầu 01 năm/ Số lượng sử dụng năm 2024	Giải trình
1	G2.01.N4	Actiso, Cao mật lợn khô, Tỏi, Than hoạt tính	4	Cao đặc Actiso (tương đương 1000mg Actiso) 125mg; Cao mật lợn khô 50mg; Tỏi khô 50mg; Than hoạt tính 25mg	Uống	Viên nang	2	Viên							
2	G2.02.N3	Actiso, Rau đắng đất, Bìm bìm biếc	3	Cao actiso (tương đương 2,5g lá Actiso) 100mg; Cao khô rau đắng đất (tương đương 0,525g rau đắng đất) 75mg; Cao khô hạt bìm bìm biếc (tương đương 75mg bột hạt bìm bìm biếc) 5,245mg	Uống	Viên nang	2	Viên							
3	G2.03.N1	Actiso, Rau đắng đất, Bìm bìm	1	Cao khô Actiso 85mg; Cao khô Rau đắng đất 64mg; Cao khô Bìm bìm 6,4mg	Uống	Viên	1	Viên							
4	G2.04.N3	Actiso, Rau đắng đất, Bìm bìm, Diệp hạ châu	3	Cao đặc Atiso (tương ứng với Actiso 400mg) 40mg; Cao đặc bìm bìm biếc (tương ứng với Bìm bìm biếc 400mg) 40mg; Cao đặc Rau đắng đất-Diệp hạ châu (tương ứng với Rau đắng đất 400mg; Diệp hạ châu 400mg) 80mg	Uống	Viên nang	2	Viên							

Số TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng thực sử dụng năm 2024	Số lượng tồn kho tính đến ngày 31/12/2024	Số lượng nhu cầu năm 2026 - 2027	Giá dự toán (VND)	Thành tiền (VND)	Tỉ lệ Số lượng nhu cầu 01 năm/ Số lượng sử dụng năm 2024	Giải trình
5	G2.05.N4	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà	4	Mỗi 80ml chứa: Cao đặc hỗn hợp dược liệu (tương đương với: Bạch linh 0,576g; Cát cánh 1,092g; Tỳ bà diệp 2,88g; Tang bạch bì 2,0g; Ma hoàng 0,42g; Mạch môn 0,772g; Bạc hà 1,864g; Bán hạ chế 1,336g; Bách bộ 2,986g; Mơ muối 1,3g; Cam thảo 0,378g; Bạch phàn 0,132g) 2,12g; Tinh dầu bạc hà 0,08g. Gói 5ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	2	Gói							
6	G2.06.N4	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn, Bạc hà diệp, Bán hạ, Bách bộ, Ô mai, Cam thảo, Phèn chua, Tinh dầu bạc hà	4	Mỗi 125ml siro chứa 70ml cao lỏng dược liệu (tương đương dược liệu: Bạch linh 0,9 g; Cát cánh 1,708 g; Tỳ bà diệp 3,250g; Tang bạch bì 1,875g; Ma hoàng 0,656g; Thiên môn 1,208g; Bạc hà diệp 1,666g; Bán hạ 1,875g; Bách bộ 6,250g; Ô mai 1,406g; Cam thảo 0,591g; Phèn chua 0,208g); Tinh dầu bạc hà 0,1g. Chai/ Lọ 95ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	2	Chai/ Lọ							

Số TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng thực sử dụng năm 2024	Số lượng tồn kho tính đến ngày 31/12/2024	Số lượng nhu cầu năm 2026 - 2027	Giá dự toán (VND)	Thành tiền (VND)	Tỉ lệ Số lượng nhu cầu 01 năm/ Số lượng sử dụng năm 2024	Giải trình
7	G2.07.N3	Bạch truật, Bạch linh, Hoàng kỳ, Táo nhân, Đảng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, Long nhân, Đại táo	3	Bột Bạch truật 0,65g; Bột Bạch linh 0,65g; Bột Hoàng Kỳ 0,6g; Bột Táo nhân 0,72g; Bột Đảng sâm 0,32g; Bột Mộc hương 0,16g; Bột Cam thảo 0,26g; Bột Đương quy 0,35g; Bột Viễn chí 0,32g; Bột Long nhân 0,6g; Bột Đại táo 0,25g	Uống	Viên hoàn mềm	2	Viên							
8	G2.08.N3	Bạch truật, Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm, Mộc hương, Chích cam thảo, Đương quy, Viễn chí, Long nhân	3	Mỗi 5ml siro chứa: Bạch truật 0,6g; Bạch linh 0,6g; Hoàng kỳ 0,6g; Toan táo nhân 1g; Nhân sâm 0,6g; Mộc hương 0,2g; Chích cam thảo 0,2g; Đương quy 0,6g; Viễn chí 0,3g; Long nhân 0,6g. Ống 10ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	2	Ống							
9	G2.09.N3	Bạch truật, Đảng sâm, Liên nhục, Cát cánh, Sa nhân, Cam thảo, Bạch linh, Trần bì, Mạch nha, Long nhân, Sứ quân tử, Bán hạ	3	Bạch truật 15g; Đảng sâm 15g; Liên nhục 4g; Cát cánh 12g; Sa nhân 4g; Cam thảo 6g; Bạch linh 10g; Trần bì 4g; Mạch nha 10g; Long nhân 6g; Sứ quân tử 4g; Bán hạ 4g	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	2	Chai/ Lọ							

Số TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng thực sử dụng năm 2024	Số lượng tồn kho tính đến ngày 31/12/2024	Số lượng nhu cầu năm 2026 - 2027	Giá dự toán (VND)	Thành tiền (VND)	Tỉ lệ Số lượng nhu cầu 01 năm/ Số lượng sử dụng năm 2024	Giải trình
10	G2.10.N3	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng Đăng, Hoài sơn, Trần bì, Hoàng liên, Bạch linh, Sa nhân, Bạch thực, Cam thảo, Đăng sâm	3	Bột Bạch truật 0,65g; Bột Mộc hương 0,35g; Bột Hoàng đăng 0,4g; Bột Hoài sơn 0,42g; Bột Trần bì 0,25g; Bột Hoàng liên 0,54g; Bột Bạch linh 0,35g; Bột Sa nhân 0,35g; Bột Bạch thực 0,35g; Cao đặc Cam thảo (tương ứng với 0,4g Cam thảo) 0,04g; Cao đặc Đăng sâm (tương ứng với 733 mg Đăng sâm) 0,22g	Uống	Viên hoàn cứng	2	Gói							
11	G2.11.N3	Bạch truật, Ý dĩ, Cam thảo, Mạch nha, Liên nhục, Sơn tra, Đăng sâm, Thần khúc, Phục linh, Phần hoa, Hoài Sơn, Cao xương hỗn hợp	3	Bạch truật 8g; Ý dĩ 12g; Cam thảo 4g; Mạch nha 12g; Liên nhục 8g; Sơn tra 4g; Đăng sâm 8g; Thần khúc 12g; Phục linh 12g; Phần hoa 4g; Hoài sơn 8g; Cao xương hỗn hợp 3g	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	2	Chai/ Lọ							
12	G2.12.N3	Bán hạ nam, Bạch linh, Xa tiền tử, Ngũ gia bì chân chim, Sinh khương, Trần bì, Rụt, Sơn tra, Hậu phác nam	3	Cao đặc hỗn hợp 0,6g tương đương với dược liệu: Bán hạ nam 0,66g; Bạch linh 1,335g; Xa tiền tử 0,66g; Ngũ gia bì chân chim 0,66g; Sinh khương 0,165g; Trần bì 0,66g; Rụt 0,84g; Sơn tra 0,66g; Hậu phác nam 0,495g. Gói 3g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	2	Gói							
13	G2.13.N3	Bột Bèo hoa dâu	3	Bột chiết bèo hoa dâu (tương đương với 43,2g dược liệu) 3g	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	2	Chai/ Lọ							

Số TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng thực sử dụng năm 2024	Số lượng tồn kho tính đến ngày 31/12/2024	Số lượng nhu cầu năm 2026 - 2027	Giá dự toán (VND)	Thành tiền (VND)	Tỉ lệ Số lượng nhu cầu 01 năm/ Số lượng sử dụng năm 2024	Giải trình
14	G2.14.N3	Bột Bèo hoa dâu	3	Bột chiết bèo hoa dâu (tương đương 3,6g dược liệu) 250mg	Uống	Viên nang	2	Viên							
15	G2.15.N1	Cao khô Trinh nữ hoàng cung	1	Cao khô trinh nữ hoàng cung (tương đương 2,5mg alcaloid toàn phần) 500mg	Uống	Viên nang	2	Viên							
16	G2.16.N4	Cao toàn phần không xà phòng hóa quả bơ, Cao toàn phần không xà phòng hóa dầu đậu nành	4	Cao toàn phần không xà phòng hóa quả bơ và dầu đậu nành 300mg; (Tương ứng: phần không xà phòng hóa quả bơ 100mg; phần không xà phòng hóa dầu đậu nành 200mg)	Uống	Viên nang		Viên							
17	G2.17.N3	Cao xương hỗn hợp, Hoàng bá, Tri mẫu, Trần bì, Bạch thược, Can khương, Thục địa	3	Cao xương hỗn hợp 0,75g; Hoàng bá 2,40g; Tri mẫu 0,30g; Trần bì 0,60g; Bạch thược 0,60g; Can khương 0,15g; Thục địa 0,60g	Uống	Viên hoàn cứng	2	Gói							
18	G2.18.N3	Cát cánh, Kinh giới, Từ uyên, Bách bộ, Hạnh nhân, Cam thảo, Trần bì, Mạch môn	3	Chai 100ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	2	Chai/ Lọ							
19	G2.19.N3	Đảng sâm, Bạch truật, Viễn chí, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Cam thảo, Long nhãn, Đương quy, Đại táo, Bạch linh, Mộc hương	3	(2g; 2g; 1,5g; 1,5g; 2g; 0,5; 2g; 2,5g; 0,5g; 1,5g, 0,5g)/3g	Uống	Viên hoàn cứng	2	Gói							

Số TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng thực sử dụng năm 2024	Số lượng tồn kho tính đến ngày 31/12/2024	Số lượng nhu cầu năm 2026 - 2027	Giá dự toán (VND)	Thành tiền (VND)	Tỉ lệ Số lượng nhu cầu 01 năm/ Số lượng sử dụng năm 2024	Giải trình
20	G2.20.N3	Đăng sâm, Cam thảo, Dịch chiết men bia	3	Ổng 10ml dung dịch chứa: Cao lỏng (tương đương với: Đăng sâm nam chế 1,5g; cam thảo 0,5g) 3ml; Dịch chiết men bia (tương đương với men bia 10g) 4ml.	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	2	Ổng							
21	G2.21.N3	Đăng tâm thảo, Táo nhân, Thảo quyết minh, Tâm sen	3	Đăng tâm thảo 0,6g; Táo nhân 2g; Thảo quyết minh 1,5g; Tâm sen 1g	Uống	Viên hoàn mềm	2	Viên							
22	G2.22.N3	Diệp hạ châu	3	Cao khô diệp hạ châu đắng (tương đương 1,75g diệp hạ châu đắng) 210mg	Uống	Bột /cốm/ hạt pha uống	2	Gói							
23	G2.23.N3	Diệp hạ châu, Bồ bồ, Chi tử	3	Cao đặc diệp hạ châu 125mg; Cao đặc Bồ bồ 100mg; Cao đặc chi tử 25mg	Uống	Viên	2	Viên							
24	G2.24.N3	Diệp hạ châu, Nhân trần, Cỏ nhọ nôi	3	Cao đặc Diệp hạ châu 100mg (tương đương 0,5g Diệp hạ châu); Cao đặc Nhân trần 50mg (tương đương Nhân trần 0,5g); Cao đặc Cỏ nhọ nôi 50mg (tương đương Cỏ nhọ nôi 0,35g)	Uống	Viên	2	Viên							
25	G2.25.N3	Diệp hạ châu, Nhân trần, Cỏ nhọ nôi, Râu ngô, Kim ngân hoa, Nghệ	3	Diệp hạ châu 600mg ; Nhân trần 500mg; Nhọ nôi 600mg; Râu ngô 1g; Kim ngân hoa 600mg; Nghệ 240mg	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	2	Ổng							
26	G2.26.N3	Diệp hạ châu, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, Cỏ mực	3	Diệp hạ châu 800mg; Xuyên tâm liên 200mg; Bồ công anh 200mg; Cỏ mực 200mg	Uống	Viên nang	2	Viên							

Số TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng thực sử dụng năm 2024	Số lượng tồn kho tính đến ngày 31/12/2024	Số lượng nhu cầu năm 2026 - 2027	Giá dự toán (VND)	Thành tiền (VND)	Tỉ lệ Số lượng nhu cầu 01 năm/ Số lượng sử dụng năm 2024	Giải trình
27	G2.27.N3	Đinh lăng, Bạch quả	3	Cao khô Đinh lăng (tương đương rễ khô đinh lăng 1875mg) 150mg; Cao khô Bạch quả (tương đương lá Bạch quả 200mg) 5mg	Uống	Viên nang	2	Viên							
28	G2.28.N3	Đinh lăng, Bạch quả	3	Cao khô rễ Đinh lăng 75mg; Cao khô lá Bạch quả 40mg	Uống	Viên nang	2	Viên							
29	G2.29.N3	Đinh lăng, Bạch quả	3	Cao đặc đinh lăng (10:1) 150 mg; Cao bạch quả 75 mg	Uống	Bột /cốm/ hạt pha uống	2	Gói							
30	G2.30.N3	Đinh lăng, Bạch quả	3	Cao đặc Đinh lăng (tương đương 1,15g rễ Đinh lăng) 190mg; Cao khô Bạch quả 10mg	Uống	Viên	2	Viên							
31	G2.31.N3	Đinh lăng, Bạch quả, Đậu tương	3	Cao khô rễ Đinh lăng (tương đương Đinh lăng 1,32g) 0,2g; Cao khô lá Bạch quả (tương đương lá Bạch quả 0,33g) 0,033g; Cao Đậu tương lên men 0,083g	Uống	Viên nang	2	Viên							
32	G2.32.N3	Độc hoạt, Quế chi, Phòng phong, Đương quy, Tế tân, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa, Đỗ trọng, Ngưu tất, Bạch linh, Cam thảo, Đảng sâm	3	Độc hoạt 0,6g; Quế chi 0,4g; Phòng phong 0,4g; Đương quy 0,4g; Tế tân 0,4g; Xuyên khung 0,4g; Tần giao 0,4g; Bạch thược 0,4g; Tang ký sinh 0,4g; Sinh địa 0,4g; Đỗ trọng 0,4g; Ngưu tất 0,4g; Bạch linh 0,4g; Cam thảo 0,4g; Đảng sâm 0,4g	Uống	Viên hoàn cứng	2	Gói							

Số TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng thực sử dụng năm 2024	Số lượng tồn kho tính đến ngày 31/12/2024	Số lượng nhu cầu năm 2026 - 2027	Giá dự toán (VND)	Thành tiền (VND)	Tỉ lệ Số lượng nhu cầu 01 năm/ Số lượng sử dụng năm 2024	Giải trình
33	G2.33.N3	Độc hoạt, Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Can địa hoàng, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh, Cam thảo, Nhân sâm	3	Độc hoạt 380mg; Quế nhục 230mg; Phòng phong 230mg; Đương quy 230mg; Tế tân 150mg; Xuyên khung 230mg; Tần giao 250mg; Bạch thược 750mg; Tang ký sinh 1.200mg; Can địa hoàng 450mg; Đỗ trọng 380mg; Ngưu tất 380mg; Phục linh 300mg; Cam thảo 150mg; Nhân sâm 300mg	Uống	Viên hoàn cứng	3	Gói							
34	G2.34.N3	Độc hoạt, Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Địa hoàng, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh, Cam thảo, Đàng sâm	3	Cao khô dược liệu 253mg tương đương với: Tang ký sinh 240mg; Địa hoàng 184mg; Bạch thược 180mg; Đỗ trọng 148mg; Đàng sâm 120mg; Phục linh 120mg; Ngưu tất 114,7mg; Tần giao 104mg; Quế nhục 92mg; Phòng phong 92mg; Xuyên khung 92mg; Độc hoạt 88mg; Tế tân 60mg; Cam thảo 60mg; Đương quy 58,3mg; Bột mịn dược liệu gồm: Bạch thược 120mg; Độc hoạt 60mg; Đương quy 33,7mg; Ngưu tất 33,3mg	Uống	Viên nang	2	Viên							

Số TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng thực sử dụng năm 2024	Số lượng tồn kho tính đến ngày 31/12/2024	Số lượng nhu cầu năm 2026 - 2027	Giá dự toán (VND)	Thành tiền (VND)	Tỉ lệ Số lượng nhu cầu 01 năm/ Số lượng sử dụng năm 2024	Giải trình
35	G2.35.N3	Độc hoạt, Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh, Cam thảo, Đảng sâm	3	Độc hoạt 300mg; Quế nhục 200mg; Phòng phong 200mg; Đương quy 200mg; Tế tân 200mg; Xuyên khung 200mg; Tần giao 200mg; Bạch thược 200mg; Tang ký sinh 200mg; Sinh địa 200mg; Đỗ trọng 200mg; Ngưu tất 200mg; Phục linh 200mg; Cam thảo 200mg; Đảng sâm 200mg	Uống	Viên nang	2	Viên							
36	G2.36.N3	Đương quy, Bạch quả	3	Cao khô Đương quy (tương đương rễ Đương quy khô 600mg) 300mg; Cao khô bạch quả (tương đương lá Bạch quả 1,6g) 40mg	Uống	Viên nang	2	Viên							
37	G2.37.N3	Đương quy, Bạch truật, Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh, Xuyên khung, Bạch thược	3	Mỗi 9g chứa: Đương quy 908mg; Bạch truật 605mg; Đảng sâm 605mg; Quế nhục 151mg; Thục địa 908mg; Cam thảo 303mg; Hoàng kỳ 605mg; Phục linh 605mg; Xuyên khung 303mg; Bạch thược 605mg. Viên hoàn 4,5g	Uống	Viên hoàn mềm	2	Viên							
38	G2.38.N3	Đương quy, Bạch truật, Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh, Xuyên khung, Bạch thược	3	Đương quy 0,6g; Bạch truật 0,65g; Đảng sâm 1g; Quế nhục 0,24g; Thục địa 1g; Cam thảo 0,12g; Hoàng kỳ 0,45g; Phục linh 0,65g; Xuyên khung 0,3g; Bạch thược 0,6g	Uống	Viên hoàn mềm	2	Viên							

Số TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng thực sử dụng năm 2024	Số lượng tồn kho tính đến ngày 31/12/2024	Số lượng nhu cầu năm 2026 - 2027	Giá dự toán (VND)	Thành tiền (VND)	Tỉ lệ Số lượng nhu cầu 01 năm/ Số lượng sử dụng năm 2024	Giải trình
39	G2.39.N3	Đương quy, Xuyên khung, Thục địa, Bạch thược, Đảng sâm, Bạch linh, Bạch truật, Cam thảo	3	Đương quy 0,9g; Xuyên khung 0,45g; Thục địa 0,9g; Bạch thược 0,6g; Đảng sâm 0,6g; Bạch linh 0,6g; Bạch truật 0,6g; Cam thảo 0,3g	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	2	Gói							
40	G2.40.N3	Hà thủ ô đỏ, Thổ phục linh, Thương nhĩ tử, Hy Thiêm, Thiên niên kiện, Đương quy, Huyết giác, Phòng kỷ	3	Hà thủ ô đỏ chế 400mg; Thổ phục linh 400mg; Thương nhĩ tử 400mg; Hy thiêm 800mg; Thiên niên kiện 300mg; Đương quy 300mg; Huyết giác 300mg; Phòng kỷ 400mg	Uống	Viên nang	2	Viên							
41	G2.41.N3	Hoài sơn, Liên nhục, Liên tâm, Lá dâu, Lá vông, Bá tử nhân, Hắc táo nhân, Long nhãn	3	Hoài sơn 183mg; Liên nhục 175mg; Liên tâm 15mg; Lá dâu 91,25mg; Lá vông 91,25mg; Bá tử nhân 91,25mg; Hắc táo nhân 91,25mg; Long nhãn 91,25mg	Uống	Viên	2	Viên							
42	G2.42.N3	Hoài sơn, Liên nhục, Liên tâm, Lá dâu, Lá vông, Bá tử nhân, Toan táo nhân, Long nhãn	3	Hoài sơn 183mg; Lá dâu 91,25mg; Lá vông 91,25mg; Long nhãn 91,25mg; Liên nhục 175mg; Liên tâm 200mg; Bá tử nhân 91,25mg; Toan táo nhân 91,25mg	Uống	Viên	2	Viên							
43	G2.43.N3	Hồng hoa, Đương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thược, Xuyên khung, Chi xác, Ngưu tất, Bạch quả	3	Hồng hoa 280mg; Đương quy 685mg; Sinh địa 375mg; Sài hồ 280mg; Cam thảo 375mg; Xích thược 375mg; Xuyên khung 685mg; Chi xác 280mg; Ngưu tất 375mg; Cao khô lá bạch quả 15mg	Uống	Viên nang	2	Viên							

Số TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng thực sử dụng năm 2024	Số lượng tồn kho tính đến ngày 31/12/2024	Số lượng nhu cầu năm 2026 - 2027	Giá dự toán (VND)	Thành tiền (VND)	Tỉ lệ Số lượng nhu cầu 01 năm/ Số lượng sử dụng năm 2024	Giải trình
44	G2.44.N4	Húng chanh, Núc nác, Cineol	4	Mỗi ml cao lỏng chứa các chất chiết được từ dược liệu tương đương: Húng chanh 500mg; Núc nác 125mg; Cineol 0,883mg. Chai 60ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	4	Chai/ Lọ							
45	G2.45.N3	Hy thiêm, Hà thủ ô đỏ chế, Thương nhĩ tử, Thổ phục linh, Dây đau xương, Thiên niên kiện, Huyết giác	3	300mg cao khô dược liệu tương đương: Hy thiêm 760mg; Thương nhĩ tử 400mg; Dây đau xương 400mg; Thổ phục linh 320mg; Hà thủ ô đỏ chế 320mg; Thiên niên kiện 300mg; Huyết giác 300mg; Bột mịn dược liệu gồm: Hà thủ ô đỏ chế 80mg; Thổ phục linh 80mg; Hy thiêm 40mg	Uống	Viên nang	2	Viên							
46	G2.46.N3	Hy thiêm, Thiên niên kiện	3	Hy thiêm 10g; Thiên niên kiện 0,5g	Uống	Viên nang	2	Viên							
47	G2.47.N3	Kha tử, Mộc hương, Hoàng liên, Bạch truật, Cam thảo, Bạch thược	3	Cao Cam thảo 3,5:1 24mg; Cao Hoàng liên 5,5:1 52mg; Cao Kha tử 2,5:1 260mg; Cao Bạch thược 3,5:1 18mg; Bột Mộc hương 250mg; Bột Bạch truật 50mg	Uống	Viên nang	2	Viên							
48	G2.48.N3	Kim ngân hoa, Nhân trần tía, Thương nhĩ tử, Nghệ, Sinh địa, Bồ công anh, Cam thảo	3	Kim ngân hoa 300mg; Bồ công anh 300mg; Nhân trần tía 300mg; Nghệ 200mg; Thương nhĩ tử 150mg; Sinh địa 150mg; Cam thảo 50mg	Uống	Viên nang	2	Viên							

Số TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng thực sử dụng năm 2024	Số lượng tồn kho tính đến ngày 31/12/2024	Số lượng nhu cầu năm 2026 - 2027	Giá dự toán (VND)	Thành tiền (VND)	Tỉ lệ Số lượng nhu cầu 01 năm/ Số lượng sử dụng năm 2024	Giải trình
49	G2.49.N3	Kim tiền thảo	3	Cao khô Kim tiền thảo 220mg; Bột mịn Kim tiền thảo 100mg	Uống	Viên nang	2	Viên							
50	G2.50.N3	Kim tiền thảo, Chi thực, Nhân trần, Hậu phác, Hoàng cầm, Bạch mao căn, Nghệ, Bình lang, Mộc hương, Đại hoàng	3	Kim tiền thảo 1.000mg; Chi thực 100mg; Nhân trần 250mg; Hậu phác 100mg; Hoàng cầm 150mg; Bạch mao căn 500mg; Nghệ 250mg; Bình lang 100mg; Mộc hương 100mg; Đại hoàng 50mg	Uống	Viên	2	Viên							
51	G2.51.N3	Kim tiền thảo, Râu mèo	3	Kim tiền thảo 2.400 mg; Râu mèo 1.000mg	Uống	Viên nang	2	Viên							
52	G2.52.N3	Lá lốt, Hy thiêm, Nguru tât, Thổ phục linh	3	Lá lốt 400mg; Hy thiêm 600mg; Nguru tât 600mg; Thổ phục linh 600mg	Uống	Viên nang	2	Viên							
53	G2.53.N3	Lá sen, Lá vông, Lạc tiên, Tâm sen, Bình vôi	3	650mg, 500mg, 650mg, 150mg, 1200mg	Uống	Viên nang	2	Viên							
54	G2.54.N3	Lá sen, Vông nem, Lạc tiên, Bình vôi, Trinh nữ	3	Cao Bình vôi (tương ứng với củ Bình vôi 150mg) 49,5mg; Cao mimosa (tương ứng với: Lá sen 180mg; Lạc tiên 600mg; lá Vông nem 600mg; Trinh nữ 638mg) 242mg	Uống	Viên	2	Viên							
55	G2.55.N3	Lá thường xuân	3	Mỗi 100ml chứa: Cao khô lá thường xuân (tương đương 3,62g lá thường xuân) 700mg. Chai 80ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	2	Chai/ Lọ							
56	G2.56.N3	Lá thường xuân	3	Cao khô lá thường xuân (11%) 0,035g	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	2	Gói							

Số TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng thực sử dụng năm 2024	Số lượng tồn kho tính đến ngày 31/12/2024	Số lượng nhu cầu năm 2026 - 2027	Giá dự toán (VND)	Thành tiền (VND)	Tỉ lệ Số lượng nhu cầu 01 năm/ Số lượng sử dụng năm 2024	Giải trình
57	G2.57.N3	Lá thường xuân	3	Mỗi 100ml chứa: Cao khô lá thường xuân (trương đương 3,62g lá thường xuân) 700mg. Ống 5ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	2	Ống							
58	G2.58.N4	Liên kiều, Kim ngân hoa, Hoàng cầm, Menthol, Eucalyptol, Camphor	4	Mỗi 10ml chứa: Liên kiều 0,5g; Kim ngân hoa 0,25g; Hoàng cầm 0,25g; Menthol 0,004g; Eucalyptol 0,003g; Camphor 0,002g. Chai 20ml	Xịt Mũi	Thuốc xịt mũi	4	Chai/ Lọ							
59	G2.59.N3	Mã tiền chế, Thương truật, Hương phụ, Mộc hương, Địa liền, Quế chi	3	Bột mã tiền chế 50mg; Thương truật 20mg; Hương phụ 13mg; Mộc hương 8mg; Địa liền 6mg; Quế chi 3mg	Uống	Viên	3	Viên							
60	G2.60.N3	Men bia ép tinh chế	3	4g/10ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	2	Ống							
61	G2.61.N4	Mộc hương, Berberin	4	Bột rễ mộc hương 200mg; Berberin clorid 50mg	Uống	Viên nang	4	Viên							
62	G2.62.N3	Nghệ vàng	3	30g/100ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	2	Chai/ Lọ							
63	G2.63.N3	Nghệ vàng	3	Bột nghệ vàng 4,5g	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	2	Gói							
64	G2.64.N3	Nghệ vàng	3	Nghệ 1700mg	Uống	Viên hoàn cứng	2	Gói							
65	G2.65.N3	Ngưu tất, Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Sinh địa, Đan sâm	3	Ngưu tất 0,45g; Đương quy 0,75g; Xuyên khung 0,6g; Ích mẫu 0,3g; Sinh địa 0,6g; Đan sâm 0,3g	Uống	Bột/cóm/hạt pha uống	2	Gói							

Số TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng thực sử dụng năm 2024	Số lượng tồn kho tính đến ngày 31/12/2024	Số lượng nhu cầu năm 2026 - 2027	Giá dự toán (VND)	Thành tiền (VND)	Tỉ lệ Số lượng nhu cầu 01 năm/ Số lượng sử dụng năm 2024	Giải trình
66	G2.66.N4	Ngưu tất, Nghệ, Rutin	4	Ngưu tất 500mg (tương ứng 200mg cao khô), Nghệ 500mg (tương ứng 5mg Curcumin), Rutin 100mg	Uống	Viên nang	4	Viên							
67	G2.67.N4	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Camphor, Riềng	4	Mỗi 50ml chứa: Ô đầu 0,5g; Địa liên 2,5g; Đại hồi 1g; Quế chi 1g; Thiên niên kiện 1,5g; Huyết giác 1,5g; Camphor 0,5g; Riềng 2,5g. Chai 60ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Chai/ Lọ							
68	G2.68.N4	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Huyết giác, Long não, Riềng	4	Ô đầu 2g; Địa liên 5g; Đại hồi 3g; Quế nhục 2g; Thiên niên kiện 5g; Huyết giác 3g; Long não 0,2g; Riềng 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Chai/ Lọ							
69	G2.69.N3	Phòng phong, Hòe giác, Đương quy, Địa du, Chi xác, Hoàng cầm	3	Phòng phong 500mg; Hòe giác 1000mg; Đương quy 500mg; Địa du 500mg; Chi xác 500mg; Hoàng cầm 500mg	Uống	Viên nang	2	Viên							
70	G2.70.N3	Sinh địa, Mạch môn, Thiên hoa phấn, Hoàng kỳ, Kỳ tử, Bạch linh, Ngũ vị tử, Mẫu đơn bì, Hoàng liên, Nhân sâm, Thạch cao	3	Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương đương với: Sinh địa 400mg; Mạch môn 200mg; Hoàng kỳ 200mg; Kỳ tử 200mg; Ngũ vị tử 30mg; Hoàng liên 20mg; Nhân sâm 20mg) 130mg; Bột hỗn hợp dược liệu (tương đương với: Thiên hoa phấn 200mg; Thạch cao 100mg; Bạch linh 34mg; Mẫu đơn bì 30mg) 364mg	Uống	Viên nang	2	Viên							

Số TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng thực sử dụng năm 2024	Số lượng tồn kho tính đến ngày 31/12/2024	Số lượng nhu cầu năm 2026 - 2027	Giá dự toán (VND)	Thành tiền (VND)	Tỉ lệ Số lượng nhu cầu 01 năm/ Số lượng sử dụng năm 2024	Giải trình
71	G2.71.N3	Sinh địa, Mạch môn, Thiên môn, Táo nhân, Bá tử nhân, Huyền sâm, Viễn chí, Ngũ vị tử, Đảng sâm, Đương quy, Đan sâm, Phục thần, Cát cánh	3	Cao khô dược liệu 260mg tương đương: Sinh địa 400mg; Mạch môn 133,3mg; Thiên môn đông 133,3mg; Táo nhân 133,3mg; Bá tử nhân 133,3mg; Huyền sâm 66,7mg; Viễn chí 66,7mg; Ngũ vị tử 66,7mg; Đảng sâm 53,3mg; Đương quy 53,3mg; Đan sâm 46,7mg; Phục thần 46,7mg; Cát cánh 26,7mg. Bột mịn dược liệu gồm: Đương quy 80mg; Đảng sâm 80mg; Cát cánh 40mg; Đan sâm 20mg; Phục thần 20mg	Uống	Viên nang	2	Viên							
72	G2.72.N3	Tân di hoa, Thăng ma, Xuyên khung, Bạch chi, Cam thảo	3	Tân di hoa 600 mg; Thăng ma 300 mg; Xuyên khung 300 mg; Cam thảo 50 mg; Bạch chi 300 mg	Uống	Viên nang	2	Viên							

Số TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng thực sử dụng năm 2024	Số lượng tồn kho tính đến ngày 31/12/2024	Số lượng nhu cầu năm 2026 - 2027	Giá dự toán (VND)	Thành tiền (VND)	Tỉ lệ Số lượng nhu cầu 01 năm/ Số lượng sử dụng năm 2024	Giải trình
73	G2.73.N3	Tần giao, Đỗ trọng, Ngưu tất, Độc hoạt, Phòng Phong, Phục Linh, Xuyên Khung, Tục Đoạn, Hoàng kỳ, Bạch thược, Cam thảo, Đương quy, Thiên niên kiện	3	Cao đặc Tần giao (tương đương 1g Tần giao) 0,1g; Cao đặc Đỗ trọng (tương đương 1g Đỗ trọng) 0,1g; Cao đặc Ngưu tất (tương đương 1g Ngưu tất) 0,15g; Cao đặc Độc hoạt (tương đương 1g Độc hoạt) 0,12g; Bột phòng phong 0,5g; Bột Phục linh 0,4g; Bột Xuyên khung 0,5g; Bột Tục đoạn 0,5g; Bột Hoàng kỳ 0,5g; Bột Bạch thược 0,5g; Bột Cam thảo 0,4g; Bột Đương quy 0,5g; Bột Thiên niên kiện 0,4g	Uống	Viên hoàn cứng	2	Gói							
74	G2.74.N3	Thỏ miết trùng, Hồng hoa, Tự nhiên đồng, Long não, Hạt dưa chuột, Tục đoạn, Tam thất, Đương quy, Lạc tân phụ.	3	25mg; 50mg; 12,5mg; 5mg; 50mg; 25mg; 75mg; 37,5mg; 20mg	Uống	Viên nang	2	Viên							
75	G2.75.N3	Thỏ ty tử, Hà thủ ô, Dây đau xương, cốt toái bồ, Đỗ trọng, Cúc bất tử, Nấm sò khô	3	Thỏ ty tử 25 mg; Hà thủ ô 25mg; Dây đau xương 25mg; Cốt toái bồ 25mg; Đỗ trọng 25mg; Cúc bất tử 50mg; Nấm sò khô 500mg	Uống	Viên nang	2	Viên							

Số TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng thực sử dụng năm 2024	Số lượng tồn kho tính đến ngày 31/12/2024	Số lượng nhu cầu năm 2026 - 2027	Giá dự toán (VND)	Thành tiền (VND)	Tỉ lệ Số lượng nhu cầu 01 năm/ Số lượng sử dụng năm 2024	Giải trình
76	G2.76.N3	Thục địa, Hoài sơn, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả, Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa	3	Cao khô dược liệu (tương đương: Thục địa 400mg; Sơn thù 200mg; Trạch tả 150mg; Mẫu đơn bì 150mg; Câu kỷ tử 100mg; Hoài sơn 80mg; Phục linh 70mg; Cúc hoa 43,3mg); Bột mịn dược liệu gồm Hoài sơn 120mg; Phục linh 80mg; Cúc hoa 56,7mg	Uống	Viên nang	2	Viên							
77	G2.77.N4	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả	4	100g hoàn cứng chứa: Thục địa 13,12g; Hoài sơn 7,04g; Sơn thù 7,04g; Mẫu đơn bì 5,22g; Phục linh 5,28g; Trạch tả 5,28g. Gói 6g	Uống	Viên hoàn cứng	3	Gói							
78	G2.78.N3	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả	3	Thục địa 1,15g; Hoài sơn 0,96g; Sơn thù 0,96g; Mẫu đơn bì 0,71g; Phục linh 0,71g; Trạch tả 0,71g	Uống	Viên hoàn mềm	2	Viên							
79	G2.79.N3	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả	3	Cao khô dược liệu (tương đương: Thục địa 800mg; Hoài sơn 300mg; Sơn thù 300mg; Trạch tả 300mg; Phục linh 300mg; Mẫu đơn bì 248mg); Bột mịn dược liệu gồm: Hoài sơn 100mg; Sơn thù 100mg; Mẫu đơn bì 52mg	Uống	Viên nang	2	Viên							

Số TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng thực sử dụng năm 2024	Số lượng tồn kho tính đến ngày 31/12/2024	Số lượng nhu cầu năm 2026 - 2027	Giá dự toán (VND)	Thành tiền (VND)	Tỉ lệ Số lượng nhu cầu 01 năm/ Số lượng sử dụng năm 2024	Giải trình
80	G2.80.N3	Thục địa, Hoài sơn, Trạch tả, Cúc hoa, Thảo quyết minh, Hạ khô thảo, Hà thủ ô đỏ, Đương quy	3	Thục địa 125mg; Hoài sơn (bột) 160mg; Đương quy (bột) 160mg; Cao đặc rễ trạch tả (tương đương 100mg trạch tả) 40mg; Cao đặc rễ hà thủ ô đỏ (tương đương 200mg hà thủ ô đỏ) 40mg; Cao đặc hạt thảo quyết minh (tương đương 200mg thảo quyết minh) 50mg; Cao đặc hoa cúc hoa (tương đương 200mg cúc hoa) 24mg; Cao đặc quả hạ khô thảo (tương đương 125mg hạ khô thảo) 12,5mg	Uống	Viên nang	3	Viên							
81	G2.81.N3	Thương nhĩ tử, Hoàng kỳ, Bạch chi, Phòng phong, Tân di hoa, Bạch truat, Bạc hà, Kim ngân hoa	3	Thương nhĩ tử 500mg; Hoàng kỳ 620mg; Phòng phong 250mg; Tân di hoa 350mg; Bạc hà 120mg; Bạch truat 350mg; Kim ngân hoa 250mg; Bột bạch chi 320mg	Uống	Viên nang	2	Viên							
82	G2.82.N3	Trinh nữ hoàng cung, Tri mẫu, Hoàng bá, Ích mẫu, Đào nhân, Trạch tả, Xích thực, Nhục quế	3	Cao khô Trinh nữ hoàng cung (tương ứng với 2000mg lá trinh nữ hoàng cung) 80mg; Cao khô hỗn hợp (tương ứng với Tri mẫu 666mg; Hoàng bá 666mg; Ích mẫu 666mg; Đào nhân 83mg; Trạch tả 830mg; Xích thực 500mg) 320mg; Nhục quế 8,3mg	Uống	Viên	2	Viên							

Số TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng thực sử dụng năm 2024	Số lượng tồn kho tính đến ngày 31/12/2024	Số lượng nhu cầu năm 2026 - 2027	Giá dự toán (VND)	Thành tiền (VND)	Tỉ lệ Số lượng nhu cầu 01 năm/ Số lượng sử dụng năm 2024	Giải trình
83	G2.83.N3	Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng	3	Tục đoạn 250mg; Phòng phong 250mg; Hy thiêm 250mg; Độc hoạt 200mg; Tần giao 200mg; Đương quy 150mg; Ngưu tất 150mg; Thiên niên kiện 150mg; Hoàng kỳ 150mg; Đỗ trọng 100mg; Bột bạch thược 150mg; Bột xuyên khung 150mg	Uống	Viên nang	2	Viên							
84	G2.84.N3	Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng, Mã tiền	3	Tục đoạn 500mg; Phòng phong 500mg; Hy thiêm 500mg; Độc hoạt 400mg; Tần giao 400mg; Đương quy 300mg; Ngưu tất 300mg; Thiên niên kiện 300mg; Hoàng kỳ 300mg; Đỗ trọng 200mg; Bạch thược 300mg; Xuyên khung 300mg; Bột Mã tiền chế 40mg	Uống	Viên nang	2	Viên							
85	G2.85.N4	Xuyên khung, Tần giao, Bạch chỉ, Đương quy, Mạch môn, Hồng sâm, Ngõ thù du, Ngũ vị tử, Băng phiến	4	Mỗi 4g chứa cao khô dược liệu tương đương với dược liệu sống: Xuyên Khung 1,2g; Tần giao 1,2g; Bạch chỉ 1,2g; Đương quy 1,2g; Mạch môn 0,8g; Hồng sâm 1,2g; Ngõ thù du 0,8g; Ngũ vị tử 1,2g; Băng phiến 0,04g. Gói 8g	Uống	Viên hoàn cứng	3	Gói							